

Deloitte.

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ
THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (CÔNG TY MẸ)**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty mẹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2012)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2012)
Ông Phan Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính từng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hùng Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

00-0
HÁP
G T
EM H
IT
NA
HC

Số: 0260 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được lập ngày 11 tháng 3 năm 2013, từ trang 5 đến trang 36. Báo cáo tài chính Công ty mẹ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ có trách nhiệm lập báo cáo tài chính Công ty mẹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính Công ty mẹ này dựa trên cơ sở kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ý kiến (tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chi nhằm phản ánh tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày riêng cho Công ty mẹ, do đó các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc.



Pho Ông Giáp Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.716.998.362.894	10.748.091.353.210
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.735.680.330.612	3.620.827.328.144
1. Tiền	111		972.827.399.324	2.088.888.140.909
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.762.852.931.288	1.531.939.187.235
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	150.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.462.572.608.795	6.669.679.715.210
1. Phải thu khách hàng	131		2.015.422.532.151	3.639.069.243.470
2. Trả trước cho người bán	132		11.081.678.642	70.674.428.440
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.444.236.141.975	2.975.925.978.837
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.167.743.973)	(15.989.935.537)
IV. Hàng tồn kho	140	8	343.824.001.789	379.781.737.627
1. Hàng tồn kho	141		345.567.978.487	381.462.457.244
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.743.976.698)	(1.680.719.617)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.921.421.698	77.802.572.229
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.736.832.784	8.045.306.216
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.182.640.132	67.308.888.847
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.001.948.782	2.448.377.166
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		6.691.734.480.005	6.907.258.673.766
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		155.728.000	158.728.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		565.357.637	372.653.040
2. Phải thu dài hạn khác	218		597.459.983	158.728.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.007.089.620)	(372.653.040)
II. Tài sản cố định	220		1.438.728.360.804	1.737.510.376.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.401.090.430.346	1.580.916.725.662
- Nguyên giá	222		3.726.098.235.933	3.524.207.940.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.325.007.805.587)	(1.943.291.215.006)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.256.549.253	4.498.615.710
- Nguyên giá	228		10.288.061.283	8.805.942.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.031.512.030)	(4.307.326.847)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	34.381.381.205	152.095.035.484
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.908.646.823.330	4.755.975.906.405
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	3.335.592.692.000	3.003.578.588.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	1.660.165.515.787	1.491.172.308.287
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	244.117.137.416	303.135.678.033
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(331.228.521.873)	(41.910.667.915)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		344.203.567.871	413.613.662.505
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	331.459.113.262	330.377.322.489
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	10.828.450.534	81.246.937.621
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.916.004.075	1.989.402.395
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.408.732.842.899	17.655.350.026.976

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CH C
SCH DE VI


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẤU B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.993.228.713.831	12.231.922.141.804
I. Nợ ngắn hạn	310		6.221.746.950.371	8.233.437.461.550
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	1.045.733.867.861	2.524.761.690.712
2. Phải trả người bán	312		1.264.037.406.454	1.449.129.480.353
3. Người mua trả tiền trước	313		1.262.298.859.827	898.706.876.224
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	132.750.055.811	529.122.007.174
5. Phải trả người lao động	315		160.544.784.469	157.968.714.713
6. Chi phí phải trả	316	19	405.138.869.880	813.310.478.680
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	1.821.772.440.997	1.822.301.770.462
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		129.470.665.072	38.136.443.232
II. Nợ dài hạn	330		2.771.481.763.460	3.998.484.680.254
1. Phải trả dài hạn người bán	331	21	331.339.675.549	411.473.775.116
2. Phải trả dài hạn khác	333		-	507.880.987.240
3. Vay và nợ dài hạn	334	22	2.440.142.087.911	3.075.372.952.158
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	3.756.965.740
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		5.415.504.129.068	5.423.427.885.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	5.415.467.653.657	5.423.354.934.353
1. Vốn điều lệ	411		2.978.020.940.000	2.978.020.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		486.293.000.000	486.293.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	4.109.381.964
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.019.651.628.514	690.915.466.053
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		165.091.224.982	106.896.368.018
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		766.410.860.161	1.157.119.778.318
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		36.475.411	72.950.819
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		36.475.411	72.950.819
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		14.408.732.842.899	17.655.350.026.976

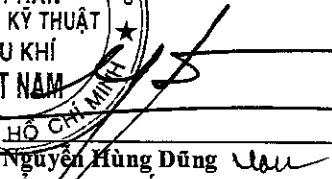
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại			
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>		13.226.124,30	8.089.404,38
<i>Bàng Anh (GBP)</i>		149,91	1.466,37


 Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu


 Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Hùng Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2013
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

500-
 NHÁ
 NG 1
 HIEMI
 DIT
 FN
 P.H

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	7.591.419.236.103	9.418.029.412.377
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		7.591.419.236.103	9.418.029.412.377
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	6.641.298.040.182	8.508.905.107.891
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		950.121.195.921	909.124.304.486
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	564.559.171.864	804.856.333.742
6. Chi phí tài chính	22	28	556.938.463.141	707.808.542.215
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		105.462.169.599	148.677.422.139
7. Chi phí bán hàng	24		36.930.897.751	19.613.021.154
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		257.089.066.019	281.993.805.855
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		663.721.940.874	704.565.269.004
10. Thu nhập khác	31	29	396.095.792.888	4.144.492.653.245
11. Chi phí khác	32	30	38.794.200.853	3.517.470.124.124
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		357.301.592.035	627.022.529.121
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.021.023.532.909	1.331.587.798.125
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	184.194.185.661	248.937.596.461
15. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52	16	70.418.487.087	(81.246.937.621)
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		766.410.860.161	1.163.897.139.285

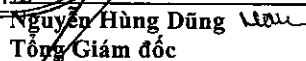


Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Hùng Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2013
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.021.023.532.909	1.331.587.798.125
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	389.571.414.771	363.650.898.951
Các khoản dự phòng	03	282.193.356.055	(47.722.949.984)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(53.941.388.467)	185.282.195.335
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(451.819.420.057)	(950.143.658.846)
Chi phí lãi vay	06	105.462.169.599	148.677.422.139
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.292.489.664.810	1.031.331.705.720
Biến động các khoản phải thu	09	408.251.043.251	(3.345.767.310.810)
Biến động hàng tồn kho	10	35.894.478.757	(248.757.529.675)
Biến động các khoản phải trả	11	(851.805.328.864)	4.326.512.147.284
Biến động chi phí trả trước	12	(3.773.317.341)	6.825.109.741
Tiền lãi vay đã trả	13	(184.921.700.607)	(289.752.405.353)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(324.397.651.108)	(32.455.664.306)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(55.073.739.859)	(40.136.601.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	316.663.449.039	1.407.799.450.602
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(114.031.603.751)	(1.011.006.668.976)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	234.545.454	2.438.405.208.100
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(150.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	57.865.693.888
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(398.696.207.500)	(594.091.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	26	61.811.322.250	219.829.295.200
7. Tiền thu từ lợi nhuận, cổ tức của các khoản đầu tư	27	448.387.342.581	154.867.107.822
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(152.294.600.966)	1.265.869.036.034
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	479.868.993.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	200.000.000.000	1.505.911.689.643
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(824.703.424.568)	(1.693.881.843.521)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(441.154.713.500)	(452.897.212.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.065.858.138.068)	(160.998.373.337)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(901.489.289.995)	2.512.670.113.299
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	3.620.827.328.144	1.093.294.347.038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	16.342.292.463	14.862.867.807
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	2.735.680.330.612	3.620.827.328.144

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền mua tài sản cố định và dài hạn khác không bao gồm số tiền 41 tỷ đồng (năm 2011: 928 tỷ đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 312.022.862.173 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư và góp vốn vào các công ty khác không bao gồm số tiền 389.161.104.000 đồng là khoản tiền đầu tư vào các công ty con được thanh toán bằng cách bù trừ công nợ với các công ty này.

Ngoài ra, tiền thu từ lợi nhuận và cổ tức của các khoản đầu tư không bao gồm số tiền 8.831.350.770 đồng được thanh toán bằng cách bù trừ công nợ; số tiền lãi dự thu với số tiền là 9.292.480.105 đồng.

Tiền chi trả nợ gốc vay không bao gồm khoản Vietsovpetro trả nợ thay cho Công ty bằng cách bù trừ công nợ với số tiền là 1.487.415.513.196 đồng.

Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong năm và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5 số 0100150577 ngày 12 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”) là cổ đông chính và là công ty mẹ.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.926 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.831 người).

Các chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ:

- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Nhiệt Điện Long Phú

Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ; dịch vụ căn cứ cảng; dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hoá; quản lý kinh doanh và khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát công trình ngầm bằng thiết bị ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; kinh doanh khách sạn và văn phòng làm việc; dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; kinh doanh các sản phẩm dầu khí và phân đạm.

125
PHI P
CÓN
HNH
ELI
E1
TF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty mẹ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ; vì thế, Công ty mẹ không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty mẹ được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty mẹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty mẹ bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

1-00
AN
TY
HU
TT
JAP
00

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí dịch vụ mua ngoài, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị quản lý, tài sản khác	3 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và các phần mềm quản lý được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đối với quyền sử dụng đất Công ty mẹ không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm quản lý được phân bổ trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tòa nhà số 1 - 5 Lê Duẩn và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn 50 năm. Công ty mẹ phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các công cụ dụng cụ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty mẹ là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty mẹ là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty mẹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Công ty mẹ sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ trên 50% quyền kiểm soát.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và liên kết và các công ty nhận đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các công ty này.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty mẹ đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản tại ngày này do ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là không có khác biệt so với hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty mẹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty mẹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

02-C
H
Y
UNA
E
M
CHI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	10.526.383.110	5.167.730.786
Tiền gửi ngân hàng	962.301.016.214	2.083.720.410.123
Các khoản tương đương tiền	<u>1.762.852.931.288</u>	<u>1.531.939.187.235</u>
	<u>2.735.680.330.612</u>	<u>3.620.827.328.144</u>

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gửi dưới 3 tháng và bao gồm số tiền 2.700.000.000 đồng là khoản được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty mẹ.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất 9%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu từ các công ty con	1.195.573.739.477	1.805.400.219.650
Lợi nhuận, cổ tức được phân phối từ các công ty con, công ty liên kết.	-	445.400.348.648
Saipem Asia Sdn Bhd	12.305.607.656	-
Liên doanh Dầu khí Việt Nga (Vietsovpetro)	7.806.181.801	89.955.101.997
Ban quản lý dự án nhiệt điện Long Phú - Sông Hậu	542.635.104.180	183.410.446.887
Yinson Holding Berhad	-	182.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	224.157.274.969	226.513.941.636
Công ty Cổ phần Đóng mới và sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	230.819.875.570	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	135.242.585.846	-
Công ty TNHH Gulf Marine Far East (Pte)	25.338.529.533	-
Thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ do chưa thanh toán	12.404.516.875	-
Talisman	14.416.183.512	-
Phải thu khác	43.536.542.556	43.245.920.019
	<u>2.444.236.141.975</u>	<u>2.975.925.978.837</u>

Phải thu từ các Công ty con thể hiện khoản công nợ phải thu nội bộ giữa Công ty mẹ với các công ty con và công nợ nội bộ giữa các công ty con kết chuyển tập trung về Công ty mẹ. Trong đó bao gồm giá trị chuyển nhượng tài sản cho Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ (số tiền 93.277.199.070 đồng), phí quản lý năm 2012 phải thu các công ty con là 61.042.614.792 đồng, phải thu Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC phí sử dụng tài sản cố định ("khách sạn Dầu khí Vũng Tàu") năm 2010 và năm 2011 số tiền 22.188.324.432 đồng, phải thu Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC giá trị tài sản cố định giao quản lý số tiền 589.192.578.210 đồng, phải thu Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng, công trình Dầu khí Biển PTSC giá trị tài sản cố định giao quản lý số tiền là 229.678.779.824 đồng.

Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Saipem Asia Sdn Bhd.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự Án Điện Lực Dầu Khí Long Phú Sông Hậu – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm thu từ doanh thu theo tiến độ hoàn thành nghiệm thu công trình từ cột mốc 1 đến mốc 8 và các khoản phải thu từ doanh thu cho thuê phòng trọ, điện nước cho nhân sự thi công của các nhà thầu phụ.

Khoản phải thu từ Tổng Công ty Tài Chính Cổ Phần Dầu Khí Việt Nam (“PVFC”) liên quan đến thỏa thuận giữa Công ty mẹ và PVFC về việc thanh toán trước tiền chuyển nhượng tàu FSO5.

Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Công ty mẹ nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVN”) theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 5 tháng 7 năm 2011 của Công ty mẹ. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (xem Thuyết minh 20) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.

Khoản phải thu Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất bao gồm số tiền còn lại phải thu liên quan đến chuyển nhượng 15 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC (xem Thuyết minh số 11).

Khoản phải thu Công ty TNHH Gulf Marine Far East (Pte) là khoản phải thu về phần nhiên liệu chưa sử dụng hết tại tàu Sea Cheyenne, khoản này sẽ được trả cho Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí.

Khoản phải thu Talisman bao gồm tiền dịch vụ sửa chữa giếng trong 2012, tuy nhiên chưa xuất hóa đơn trong năm 2012.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	136.437.096
Nguyên liệu, vật liệu	41.091.875.032	58.405.219.326
Công cụ, dụng cụ	834.800.177	676.364.977
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	303.622.604.514	322.244.435.845
Hàng hóa	18.698.764	-
	<u>345.567.978.487</u>	<u>381.462.457.244</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.743.976.698)	(1.680.719.617)
	<u>343.824.001.789</u>	<u>379.781.737.627</u>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm số tiền 264.764.031.969 đồng là các chi phí liên quan đến dự án Nhiệt điện Long Phú.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý và tài sản khác VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	587.023.657.185	35.518.432.303	2.860.642.360.983	41.023.490.197	3.524.207.940.668
Mua sắm mới	274.221.036	3.393.331.949	14.183.116.724	11.323.791.370	29.174.461.079
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	145.228.713.975	1.230.000.000	32.395.440.000	-	178.854.153.975
Tặng khác	-	228.127.206	791.511.855	-	1.019.639.061
Thanh lý, nhượng bán	(399.206.182)	(411.276.882)	(1.901.435.306)	(1.821.822.148)	(4.533.740.518)
Giảm khác	(1.844.004.982)	-	-	(780.213.350)	(2.624.218.332)
Tại ngày 31/12/2012	730.283.381.032	39.958.614.576	2.906.110.994.256	49.745.246.069	3.726.098.235.933
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	228.735.457.490	17.911.773.106	1.670.534.715.027	26.109.269.383	1.943.291.215.006
Trích khấu hao	80.099.158.393	4.822.446.359	293.593.677.748	8.299.593.088	386.814.875.588
Tặng khác	1.515.637.536	-	-	-	1.515.637.536
Thanh lý, nhượng bán	(399.206.182)	(411.276.882)	(1.901.435.306)	(1.821.822.149)	(4.533.740.519)
Giảm khác	-	-	(1.326.692.013)	(753.490.011)	(2.080.182.024)
Tại ngày 31/12/2012	309.951.047.237	22.322.942.583	1.960.900.265.456	31.833.550.311	2.325.007.805.587
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	420.332.333.795	17.635.671.993	945.210.728.800	17.911.695.758	1.401.090.430.346
Tại ngày 31/12/2011	358.288.199.695	17.606.659.197	1.190.107.645.956	14.914.220.814	1.580.916.725.662

Giảm khác thể hiện giá trị tài sản điều chuyển nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty mẹ đã thế chấp một số tài sản là phương tiện vận tải và máy móc thiết bị của Công ty mẹ và các Công ty con với nguyên giá 4.083 tỷ đồng để đảm bảo cho các khoản tín dụng tại các ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định của Công ty mẹ bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.239 tỷ đồng (năm 2011: 977 tỷ đồng).

Theo Quyết định số 7090/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển giao cho Công ty mẹ làm chủ Đầu tư dự án Khu Công nghiệp Tàu thủy Nghi Sơn - Thanh Hóa từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ chưa nhận và ghi tăng tài sản do việc chuyển nhượng dự án từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty vẫn chưa được thực hiện.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mở rộng Cảng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí hạ lưu Vũng Tàu	-	30.010.848.071
Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp Dung Quất (khu 8ha)		11.293.564.622
Tòa nhà PTSC Tower Vũng Tàu	8.637.308.668	8.636.508.668
Khu Dịch vụ Công ty Halliburton	-	8.465.664.857
Căn cứ công trình Phương tiện nổi	-	1.104.401.558
Dự án tiếp nhận và đầu tư mở rộng giai đoạn II Cảng Hòn la	-	1.564.395.000
Trung tâm Thương mại Đà Nẵng	22.301.599.342	82.070.738.183
Dự án đóng mới tàu DVĐK Đa năng công suất 10.000HP	-	2.057.071.493
Khác	3.442.473.195	6.891.843.032
	<u>34.381.381.205</u>	<u>152.095.035.484</u>

Dự án “Mở rộng Cảng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí hạ lưu Vũng Tàu” đã tạm tính một phần giá trị và chuyển giao lại cho các đơn vị - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng Hải. Trong năm 2012, một số hạng mục tiếp tục thực hiện, hoàn thành và kết chuyển cho đơn vị.

Ngày 07 tháng 11 năm 2012, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành quyết định số 948/QĐ-DVKT-HĐQT về việc chấm dứt dự án đóng mới tàu AHTS 10.000 HP. Theo đó, Dự án đóng mới tàu DVĐK Đa năng công suất 10.000HP không tiếp tục triển khai và đã được xử lý tài chính theo quy định trong năm 2012.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2012		31/12/2011	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	<u>VND</u>	Tỷ lệ sở hữu (%)	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	100,00	300.000.000.000	100,00	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ cơ khí hàng hải PTSC	93,88	576.860.500.000	96,14	576.860.500.000
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	84,95	339.807.000.000	84,95	339.807.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ khai thác dầu khí PTSC	51,00	102.000.000.000	51,00	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	95,19	285.581.000.000	95,19	285.581.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	54,69	218.773.000.000	54,69	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	59,61	208.645.000.000	59,61	208.645.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	100,00	250.000.000.000	94,88	237.200.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	56,80	250.000.000.000	56,80	250.000.000.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC	-	-	51,00	153.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	100,00	20.000.000.000	97,07	145.603.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	50,61	167.000.000.000	53,29	167.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	43,35	19.109.088.000	43,49	19.109.088.000
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	51,00	597.817.104.000	-	-
		<u>3.335.592.692.000</u>		<u>3.003.578.588.000</u>

02-C
 H
 Y
 UHA
 TE
 M
 CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Mặc dù Công ty mẹ không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin viễn thông và tự động hóa dầu khí, nhưng theo thỏa thuận, Công ty mẹ được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm phần lớn các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của công ty con. Theo đó, Công ty mẹ có quyền kiểm soát lớn hơn quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin viễn thông và tự động hóa Dầu khí nên được ghi nhận là công ty con.

Ngày 26 tháng 10 năm 2012, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định số 919/QĐ-DVKT-HĐQT về việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình thành Công ty TNHH một thành viên. Theo đó, Công ty mẹ đã mua lại toàn bộ cổ phần của các cổ đông khác tại Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình và vốn điều lệ sau chuyển đổi là 250.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình đã hoạt động theo hình thức Công ty TNHH một thành viên.

Trong năm, Công ty mẹ đã chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC cho Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất. Tổng số cổ phần Công ty mẹ nắm giữ sau khi chuyển nhượng là 300.000 cổ phần (chiếm 1% vốn điều lệ). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC không còn là công ty con của Công ty mẹ. Theo đó, khoản đầu tư này được phân loại là đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập từ vốn góp của Công ty mẹ và CGGVeritas Services Holding B.V (Hà Lan) với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 28.668.000 Đô la Mỹ (51%) và 27.543.765 Đô la Mỹ (49%) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000358 ngày 09 tháng 11 năm 2011 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng - Tàu cấp. Hoạt động chính của PTSC-CGGV là cung cấp các dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn hai chiều (2D) và ba chiều (3D) ngoài khơi trong và ngoài phạm vi lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.

Trong năm, Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC đã chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với 100% vốn sở hữu thuộc Công ty mẹ theo Quyết định số 742/NQ-DVKT-HĐQT ngày 23 tháng 08 năm 2012 của Hội đồng quản trị. Cùng với việc chuyển đổi thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC cũng được điều chỉnh giảm theo Quyết định số 910/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Khách sạn Dầu khí PTSC đã hoạt động theo hình thức Công ty TNHH với vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết số 2030/DVKT-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2012 về việc triển khai chuyển đổi Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC thì Công ty Cổ phần Dịch vụ cơ khí hàng hải sẽ được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Việc chuyển đổi sẽ được tiến hành trong năm 2013.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	Tỷ lệ sở hữu (%)	31/12/2012		31/12/2011	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	33,00	33,00	106.022.400	33,00	106.022.400
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (i)	49,00	49,00	292.324.455.887	49,00	292.324.455.887
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	60,00	60,00	583.995.300.000	60,00	583.995.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	42,05	42,05	215.648.500.000	42,05	219.498.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	37,00	37,00	11.100.000.000	37,00	11.100.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	28,75	28,75	171.957.430.000	28,75	171.957.430.000
Công ty Liên doanh PTSC SEA (iii)	51,00	51,00	278.622.307.500	51,00	212.190.600.000
Công ty Liên doanh PTSC AP (iv)	51,00	-	106.411.500.000	-	-
			1.660.165.515.787		1.491.172.308.287

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

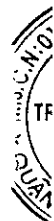
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- (i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (MVOT) là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO “Orkid” sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO “Orkid” đã đi vào hoạt động từ năm 2009.
- (ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009, trong đó Công ty mẹ chiếm 60% vốn đề sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO “Ruby II” phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi “FPSO Ruby II” đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là “PTSC SEA”) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng Công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478.027.530 đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Công ty mẹ là 19.038.087 Đô la Mỹ tương đương 391.613.449.590 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO “PTSC Biển Đông 01”; cho PTSC thuê tàu trần FSO; tiếp thị và cho thuê tàu sau khi hết hạn hợp đồng; các nội dung công việc khác theo điều lệ công ty. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 13.387.500 Đô la Mỹ, tương đương 278.622.307.500 đồng.
- (iv) Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 399.988.087 Đô la Mỹ, tương đương 8.319.752.209.600 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 30% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 5.100.000 Đô la Mỹ, tương đương 106.411.500.000 đồng.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho vay Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV 12	147.834.093.706	209.852.634.323
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.126.510.000	23.126.510.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh tài sản Việt Nam	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	2.815.343.710	2.815.343.710
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức	47.011.200.000	47.011.200.000
	<u>244.117.137.416</u>	<u>303.135.678.033</u>


 TF
QUẢN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khoản cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV Pte, Ltd. và không có bảo đảm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản cho vay này tương đương 7.102.286,51 Đô la Mỹ.

14. DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty mẹ đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và lập dự phòng giảm giá các đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Chi tiết như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	10.241.139.332	11.435.850.704
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	285.581.000.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa phương tiện nổi PTSC	-	10.717.173.455
Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	15.939.422.008	9.023.446.776
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	1.826.214.562	-
Công ty Liên doanh PTSC SEA (PTSC South East Asia Pte Ltd)	474.522.527	-
Công ty Liên doanh PTSC AP (PTSC Asia Pacific)	2.467.572.386	-
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh tài sản Việt Nam	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	419.941.975	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	721.653.412	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	411.721.961	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	2.815.343.710	404.206.980
	<u>331.228.521.873</u>	<u>41.910.667.915</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	322.189.992.967	325.584.374.694
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.269.120.295	4.792.947.795
	<u>331.459.113.262</u>	<u>330.377.322.489</u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty mẹ ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VND</u>	Doanh thu <u>VND</u>	Giá vốn <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	86.392.590.945	(5.145.653.324)	-	-	81.246.937.621
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	<u>(70.726.635.643)</u>	<u>(1.658.618.542)</u>	<u>4.367.152.556</u>	<u>(2.400.385.458)</u>	<u>(70.418.487.087)</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>15.665.955.302</u>	<u>(6.804.271.866)</u>	<u>4.367.152.556</u>	<u>(2.400.385.458)</u>	<u>10.828.450.534</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	228.630.275.888	228.630.275.888
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	817.103.591.973	2.296.131.414.824
	<u>1.045.733.867.861</u>	<u>2.524.761.690.712</u>

Khoản vay ngắn hạn với số tiền là 228.630.275.888 đồng từ Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), bắt đầu từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 và thời gian đáo hạn là ngày 15 tháng 06 năm 2013. Trước đây, mục đích của khoản vay này nhằm vay vốn bắc cầu bổ sung vốn lưu động tạm ứng thanh toán chi phí đóng kho nổi FSO5. Hiện tại, Công ty mẹ đã nhượng lại kho nổi này cho Liên doanh Dầu khí Việt Nga (“VSP”). Khoản vay này có mức lãi suất ưu đãi là 0%/năm và không có tài sản đảm bảo.

Thực hiện theo Công văn số 6351/DKVN-KH ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chuyển nhượng công trình kho nổi chứa dầu FSO5, Công ty mẹ đã hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng FSO5 cho VSP trong năm 2011. Theo thỏa thuận, Công ty mẹ đồng thời đã chuyển toàn bộ nợ vay dài hạn gốc Đô la Mỹ từ PVFC phục vụ dự án này sang cho VSP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, toàn bộ số dư nợ gốc 62.521.594 Đô la Mỹ (tương đương 1.301.386.976.612 đồng) phải trả cho PVFC đã được chuyển giao cho VSP theo hình thức cần trừ với khoản phải thu VSP phát sinh từ việc nhận chuyển nhượng công trình này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty mẹ đang thực hiện các thủ tục chuyển đổi chủ thể hợp đồng vay nói trên cho VSP.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	35.936.910.125	279.097.535.653
Thuế xuất, nhập khẩu	22.679.546	839.955.674
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.060.058.336	224.263.523.783
Thuế thu nhập cá nhân	5.968.976.632	11.735.656.015
Thuế khác	6.761.431.172	13.185.336.049
	<u>132.750.055.811</u>	<u>529.122.007.174</u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	<u>VND</u>	VND	VND	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	279.097.535.653	273.280.358.251	516.440.983.779	35.936.910.125
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.546.955.296	6.546.955.296	-
Thuế xuất nhập khẩu	839.955.674	2.790.137.020	3.607.413.148	22.679.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	224.263.523.784	184.194.185.661	324.397.651.153	84.060.058.336
Thuế nhà đất	-	328.146.743	328.146.743	-
Tiền thuê đất	-	21.150.751.582	16.213.428.345	4.937.323.237
Thuế thu nhập cá nhân	11.735.656.015	50.273.338.038	56.040.017.421	5.968.976.632
Thuế TNDN nhà thầu phụ	9.871.124.638	47.734.693.114	55.882.066.998	1.723.750.754
Thuế GTGT nhà thầu phụ	1.498.283.789	16.023.648.272	17.421.574.880	100.357.181
Thuế môn bài nhà thầu phụ	-	18.000.000	18.000.000	-
Thuế khác	1.815.927.622	143.171.200	1.959.098.822	-
	<u>529.122.007.174</u>	<u>602.483.385.177</u>	<u>998.855.336.585</u>	<u>132.750.055.811</u>

00-
 HÁI
 G T
 M H
 T
 NA
 HO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.613.931.670	176.208.258.700
Trích trước lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	128.724.961.913	141.843.851.502
Chi phí dự phòng sự cố Riser của dự án FSO5	-	345.570.363.780
Lãi vay phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	87.114.676.617	54.911.208.117
Lãi vay phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	19.880.380.533	-
Chi phí nhượng bán tàu Ruby Princess	20.319.272.698	20.319.272.698
Trích trước giá trị vật tư tàu Bình Minh 02	20.835.143.000	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	8.759.196.949
Chi phí dịch vụ cần cứ hậu cần thực hiện cho Vietgazzprom	17.468.610.224	-
Chi phí phải trả khác	14.181.893.225	65.698.326.934
	<u>405.138.869.880</u>	<u>813.310.478.680</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	965.729.216.010	1.046.459.836.703
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd.	17.539.076.374	-
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	8.713.872.219	-
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	7.138.091.972	-
Phải trả cổ tức các cổ đông	6.022.862.173	4.572.327.673
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	6.292.463.918	6.292.463.918
Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP)	208.150.000.000	-
Phải trả Công đoàn	-	5.252.705.286
Tổng Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam	111.000.000.000	113.850.000.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin)	386.515.160.668	416.941.360.596
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	-	32.702.534.587
Công ty TNHH Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
Các khoản phải trả khác	65.332.947.526	156.891.791.562
	<u>1.821.772.440.997</u>	<u>1.822.301.770.462</u>

Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như cổ tức năm 2011 phải trả là 306 tỷ đồng, giá trị chuyển nhượng Nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch 355,6 tỷ đồng và số phải trả đến hạn trong năm 2012 của giá trị chuyển nhượng cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa với số tiền là 281,83 tỷ đồng.

Khoản phải trả Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là số tiền phải trả liên quan tới dịch vụ thuê tàu FPSO.

Phải trả Vinashin là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới công trình kho nổi chứa dầu FSO5.

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí. Khoản nợ này được thanh toán đều trong vòng 8 năm kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2011 và kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	1.081.336.714.615	1.210.267.374.349
Đô la Mỹ	<u>2.175.908.965.269</u>	<u>4.161.236.992.633</u>
	<u>3.257.245.679.884</u>	<u>5.371.504.366.982</u>

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trong nước với lãi suất từ 4,1% đến 13,65% đối với Đồng Việt Nam và từ 1,7% đến 5,65% đối với khoản vay Đô la Mỹ. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 9 hoặc không có bảo đảm. Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tương đương 104.535.622 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 173.355.237 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	817.103.591.973	2.296.131.414.824
Trong năm thứ hai	771.249.585.862	780.284.114.113
Từ ba năm đến năm năm	1.568.855.713.716	1.826.872.823.800
Trên năm năm	<u>100.036.788.333</u>	<u>468.216.014.245</u>
	<u>3.257.245.679.884</u>	<u>5.371.504.366.982</u>
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(817.103.591.973)</u>	<u>(2.296.131.414.824)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.440.142.087.911</u>	<u>3.075.372.952.158</u>

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	312.692.241	298.205.146
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	297.802.094	297.802.094
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	297.802.094	297.802.094

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Tai ngày 31/12/2012		Tai ngày 31/12/2011	
	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	153.000.000	51,38	153.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	5,85	17.407.800	7,52	22.407.800
Các cổ đông khác	42,77	127.394.294	41,10	122.394.294
	<u>100,00</u>	<u>297.802.094</u>	<u>100,00</u>	<u>297.802.094</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 879/NQ-DVĐK-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 10 năm 2012, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ từ 2.978 tỷ đồng lên 4.467 tỷ đồng bằng việc phát hành 148.901.047 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, 44.670.314 cổ phần được phát hành cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ thực hiện quyền là 20:03 (tại ngày chốt quyền, cổ đông sở hữu 20 cổ phần sẽ được nhận 03 cổ phần mới) và 104.230.733 cổ phần được phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá bán là 10.000 đồng/cổ phần với tỷ lệ thực hiện quyền là 20:7 (tại ngày chốt quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được phân phối 01 quyền mua và cổ đông sở hữu 20 cổ phần được mua 07 cổ phần mới). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty mẹ đang hoàn tất các thủ tục tăng vốn này và dự kiến hoàn tất việc tăng vốn trong tháng 3 năm 2013.

01/25
CHI
CÔN
NH
I
VIỆT
- TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÁU B 09 – DN**THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	1.988.034.310.000	486.293.000.000	6.187.935.695	690.915.466.053	106.896.368.018	-	3.278.327.079.766
Tăng vốn điều lệ	989.986.630.000	-	-	-	-	-	989.986.630.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.163.897.139.285	1.163.897.139.285
Giảm khác	-	-	-	-	(6.777.360.967)	(6.777.360.967)	(6.777.360.967)
Chênh lệch tỉ giá	-	-	(2.078.553.731)	-	-	-	(2.078.553.731)
Tại ngày 31/12/2011	2.978.020.940.000	486.293.000.000	4.109.381.964	690.915.466.053	106.896.368.018	1.157.119.778.318	5.423.354.934.353
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	766.410.860.161	766.410.860.161
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	328.736.162.461	58.194.856.964	(561.515.590.318)	(174.584.570.893)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(595.604.188.000)	(595.604.188.000)
Chênh lệch tỉ giá	-	-	(4.109.381.964)	-	-	-	(4.109.381.964)
Tại ngày 31/12/2012	2.978.020.940.000	486.293.000.000	-	1.019.651.628.514	165.091.224.982	766.410.860.161	5.415.467.653.657

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 353/NQ-DVKT-HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2012, các cổ đông của Công ty mẹ đồng ý thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau: Trích các Quỹ đầu tư phát triển là 328.736.162.461 đồng, quỹ dự phòng tài chính là 58.194.856.964 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi 174.584.570.893 đồng và chia cổ tức là 595.604.188.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011. Cũng theo Nghị quyết này, các cổ đông đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức theo kế hoạch cho năm 2012 là 15%, trích quỹ dự phòng tài chính là 5%, quỹ khen thưởng phúc lợi là 15%, phần lợi nhuận được phân phối còn lại bổ sung quỹ đầu tư phát triển 1,63%.

Theo Quyết định số 01/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 4 tháng 1 năm 2013 về việc tạm ứng cổ tức năm 2012 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, tỷ lệ tạm ứng cổ tức của năm 2012 là 10% trên mệnh giá cổ phiếu. Việc chi trả tạm ứng cổ tức được thực hiện trong năm 2013 sau khi chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	162.999.583.945	2.043.926.467.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>7.428.419.652.158</u>	<u>7.374.102.944.767</u>
	<u>7.591.419.236.103</u>	<u>9.418.029.412.377</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	153.535.027.039	2.034.468.464.686
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>6.487.763.013.143</u>	<u>6.474.436.643.205</u>
	<u>6.641.298.040.182</u>	<u>8.508.905.107.891</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	534.495.968.649	546.577.923.492
Chi phí nhân công	492.470.195.202	601.280.654.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	389.571.414.771	363.650.898.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.240.935.773.422	7.037.808.539.778
Chi phí khác	<u>277.844.651.908</u>	<u>319.036.146.813</u>
	<u>6.935.318.003.952</u>	<u>8.868.354.163.825</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Thu nhập từ các khoản đầu tư	274.907.740.902	454.523.076.098
Lãi tiền gửi	191.603.432.554	145.744.380.372
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.462.812.595	119.509.528.054
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	53.941.388.467	-
Khác	<u>7.643.797.346</u>	<u>85.079.349.218</u>
	<u>564.559.171.864</u>	<u>804.856.333.742</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lãi tiền vay	105.462.169.599	148.677.422.139
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.152.487.283	272.172.349.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	185.282.195.335
Lỗ từ các khoản đầu tư	14.757.414.154	52.544.294.800
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	289.317.853.958	(38.556.597.204)
Chi phí tài chính khác	<u>133.248.538.147</u>	<u>87.688.877.207</u>
	<u>556.938.463.141</u>	<u>707.808.542.215</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. THU NHẬP KHÁC**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu thanh lý tài sản	234.545.454	3.955.950.966.073
Thu từ phạt, bồi thường	9.665.411.040	1.947.529.153
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản các chi nhánh	-	61.409.266.140
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản các công ty con	-	88.322.730.145
Liên doanh MVOT hoàn trả chi phí thành lập	6.559.591.148	21.648.776.292
Chênh lệch giá trị tài sản đem đi góp vốn	27.718.698.422	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	3.566.105.240	-
Hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành sự cố Riser tàu FSO5	345.570.363.780	-
Khác	2.781.077.804	15.213.385.442
	<u>396.095.792.888</u>	<u>4.144.492.653.245</u>

30. CHI PHÍ KHÁC

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thanh lý tài sản	168.884.700	3.501.004.401.297
Đánh giá lại tài sản cố định	-	3.686.358.765
Trích trước chi phí vật tư tàu Bình Minh 02	20.835.143.000	-
Chi phí phạt bồi thường	7.229.283.407	-
Khác	10.560.889.746	12.779.364.062
	<u>38.794.200.853</u>	<u>3.517.470.124.124</u>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	1.021.023.532.909	1.331.587.798.125
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</i>	126.244.271.268	349.231.152.800
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(410.903.784.582)	(563.428.419.538)
Thu nhập chịu thuế	<u>736.364.019.594</u>	<u>1.117.390.531.387</u>
Thu nhập chịu thuế với thuế suất 12,5%	-	243.280.291.088
Thu nhập chịu thuế với thuế suất 25%	736.364.019.594	874.110.240.299
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>184.091.004.899</u>	<u>248.937.596.461</u>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	103.180.762	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>184.194.185.661</u>	<u>248.937.596.461</u>

Công ty mẹ có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động và thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 2,109 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.924 tỷ đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2012. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty mẹ có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty mẹ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	3.485.875.955.772	5.600.134.642.870
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.735.680.330.612	3.620.827.328.144
Nợ thuần	750.195.625.160	1.979.307.314.726
Vốn chủ sở hữu	5.415.504.129.068	5.423.427.885.172
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,14	0,36

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty mẹ áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.735.680.330.612	3.620.827.328.144
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.459.658.674.126	6.599.164.014.770
Đầu tư dài hạn	229.418.486.358	292.401.481.053
Ký quỹ, ký cược	2.234.732.075	2.318.443.583
Tổng cộng	7.426.992.223.171	10.514.761.267.550

25
 HI N
 CÔN
 ANH
 ELI
 VIỆT
 - TI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Giá trị ghi số	
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.485.875.955.772	5.600.134.642.870
Phải trả cho người bán và phải trả khác	2.346.762.207.700	4.165.622.646.353
Chi phí phải trả	405.138.869.880	813.310.478.680
Tổng cộng	6.237.777.033.352	10.579.067.767.903

Công ty mẹ chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty mẹ đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty mẹ phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty mẹ thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty mẹ quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	979.035.490.986	3.281.534.721.417	5.736.913.166.768	5.052.532.328.972
Bảng Anh (GBP)	1.968.600.607	-	2.587.225.777	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Bảng Anh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty mẹ trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty mẹ sẽ giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	238.375.275.052	88.549.880.378

Dựa trên sự phân tích tương tự cho GBP thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất khi Công ty mẹ vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty mẹ quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm/tăng 65.144.913.598 đồng.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mẹ chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty mẹ không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mẹ chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty mẹ không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty mẹ. Công ty mẹ có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty mẹ có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty mẹ không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty mẹ quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty mẹ tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty mẹ là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty mẹ duy trì đủ mức dự phòng tiền



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.735.680.330.612	-	-	2.735.680.330.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.459.658.674.126	-	-	4.459.658.674.126
Đầu tư tài chính dài hạn	-	229.418.486.358	-	229.418.486.358
Các khoản ký quỹ	163.000.000	2.071.732.075	-	2.234.732.075
Tổng cộng	7.195.502.004.738	231.490.218.433	-	7.426.992.223.171

31/12/2012				
Các khoản vay	1.045.733.867.861	2.340.105.299.578	100.036.788.333	3.485.875.955.772
Phải trả người bán và phải trả khác	2.015.422.532.151	331.339.675.549	-	2.346.762.207.700
Chi phí phải trả	405.138.869.880	-	-	405.138.869.880
Tổng cộng	3.466.295.269.892	2.671.444.975.127	100.036.788.333	6.237.777.033.352

Chênh lệch thanh khoản thuần **3.729.206.734.846 (2.439.954.756.694) (100.036.788.333) 1.189.215.189.819**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.620.827.328.144	-	-	3.620.827.328.144
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.599.005.286.770	158.728.000	-	6.599.164.014.770
Đầu tư tài chính dài hạn	67.508.173.595	224.893.307.458	-	292.401.481.053
Các khoản ký quỹ	329.041.188	1.989.402.395	-	2.318.443.583
Tổng cộng	10.287.719.829.697	227.041.437.853	-	10.514.761.267.550

31/12/2011				
Các khoản vay	2.524.761.690.712	2.607.156.937.913	468.216.014.245	5.600.134.642.870
Phải trả người bán và phải trả khác	3.246.267.883.997	764.146.179.622	155.208.582.734	4.165.622.646.353
Chi phí phải trả	813.310.478.680	-	-	813.310.478.680
Tổng cộng	6.584.340.053.389	3.371.303.117.535	623.424.596.979	10.579.067.767.903

Chênh lệch thanh khoản thuần **3.703.379.776.308 (3.144.261.679.682) (623.424.596.979) (64.306.500.353)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty mẹ có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty mẹ đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	169.111.675.880	681.316.391.350
Cơ quan Tập đoàn	4.140.024.122	8.416.389.681
Công ty Cổ phần PVI	18.252.080	945.184.149
Công ty Điều hành Dầu khí Biên Đông	451.682.017.677	361.496.354.918

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	256.781.817	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	12.341.308.542	2.465.687.325
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	172.896.969.271	68.718.402.733
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	7.028.054.659	2.313.925.205
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.062.139.018	958.917.957
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	97.060.001	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	42.363.568.577	35.294.650.286
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	79.500.000	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	524.748.505.830	826.444.452.979
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	12.717.639.038	13.594.015.300
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP		29.672.236.679
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>763.059.006.533</u>	<u>2.407.784.220.946</u>

Chi phí lãi vay

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>20.157.320.475</u>	<u>142.650.205.853</u>
---	-----------------------	------------------------

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	2012 VND	2011 VND
Hội Đồng Quản Trị	6.328.014.917	7.869.000.000
Ban Tổng Giám đốc	<u>7.063.168.000</u>	<u>7.064.000.000</u>

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản phải thu		
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	442.559.005.596	827.406.463
Cơ quan Tập đoàn	792.939.120	-
Công ty Cổ phần PVI	20.077.288	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	41.719.807.175	6.390.618.483
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	282.460.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	123.332.689.604	190.888.744.953
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	6.468.637.009	3.940.792.495
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	56.868.722.343	21.733.966.442
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.632.305.765	1.718.292.944
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.951.519.620	15.929.091.350
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.812.533.072	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	8.216.977.068	7.337.361.019
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	109.491.191.173	197.859.346.646
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	7.432.781.848	12.432.781.848
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	<u>3.494.088.856</u>	-
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.301.175.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	2.121.667.803	1.235.928.176
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>24.333.425.176</u>

250
N
NHÍ
LC
ET
TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu khác		
Cơ quan Tập đoàn		2.796.981.719
Công ty Cổ phần PVI		147.020.292
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	224.157.274.969	226.513.941.636
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	542.635.104.180	183.410.446.887
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	366.062.461.416	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.106.444.364.863	2.189.279.641.526
<hr/>		
Phải trả		
Công ty CP PVI	6.427.267.618	6.303.846.882
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.608.736.321	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	9.056.156.867	60.187.320.068
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	8.679.874.097	4.933.635.106
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	24.000.000	4.372.460
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	52.093.500	11.984.060
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	10.421.140.529	19.677.334.749
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.560.032.440	7.213.985.394
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	15.950.000	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	401.146.670.650	480.052.737.739
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	580.563.322	5.424.634.205
<hr/>		
Người mua trả tiền trước		
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	1.262.298.859.827	898.485.905.175
<hr/>		
Phải trả khác		
Cơ quan Tập đoàn	965.729.216.010	1.554.126.289.752
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	6.292.463.918	6.292.463.918
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	111.000.000.000	113.850.000.000
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	7.138.091.972	-
<hr/>		
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	228.630.275.888	228.630.275.888
<hr/>		
Vay dài hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	964.001.550.693	2.468.297.066.499
<hr/>		

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1039/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2012 về việc thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình và Quyết định số 02/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2013 về việc giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình. Theo đó, Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình sẽ chính thức hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

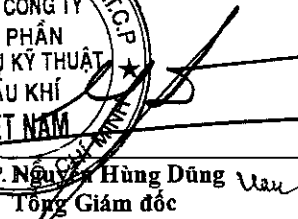
Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 1537/NQ-DKVN ngày 06 tháng 03 năm 2013 về việc chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC tại công ty Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (Petrotrans) sang Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans). Theo đó, tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng là 1 triệu cổ phần (tương ứng 10% vốn điều lệ), giá chuyển nhượng theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng. Hiện tại, các bên đang chuẩn bị thủ tục để thực hiện theo Nghị quyết trên.



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Dũng Văn
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

